

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2023/DS-PT**

Ngày: 23-02-2023

*“V/v: Tranh chấp quyền nhận tiền
bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất và
yêu cầu hủy một phần Quyết định
hành chính”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở tạm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S), Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến đối với vụ án dân sự thụ lý số 213/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất và yêu cầu hủy một phần Quyết định hành chính*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 17/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 655/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Phạm V (sinh năm 1973) và bà Bùi Thị D (sinh năm 1971). Đều có mặt.

Địa chỉ: huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L, huyện T, Quảng Ngãi. Có mặt.

*** Bị đơn:**

+ Ông Phạm Đ, sinh năm 1945. Vắng.

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1951. Vắng.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Phạm Thị D D, sinh năm 1975. Vắng.

Địa chỉ: huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1977. Vắng.

Địa chỉ: huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1980. Có mặt.

+ Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1983. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

(Các ông, bà: Phạm Đ, Trần Thị H, Phạm Thị Thanh T, Phạm Thị D D cùng ủy quyền cho ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc T đại diện tham gia tố tụng). Có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1969. Vắng.

+ Bà Lê Thị P, sinh năm 1973. Vắng.

+ Bà Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1996. Vắng.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

(Các ông, bà: Phạm Ngọc Đ, Lê Thị P, Phạm Thị Mỹ D đều ủy quyền cho ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc T đại diện tham gia tố tụng). Có mặt.

+ Cháu Phạm Thị Kim T, sinh năm 2006. Vắng.

+ Cháu Phạm Thị Thanh T, sinh năm 2008. Vắng.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật cho các cháu T, T có cha mẹ ruột là ông Phạm V và bà Bùi Thị D tham gia tố tụng. Có mặt.

+ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1988. Vắng.

+ Cháu Phạm Huỳnh Bảo A, sinh năm 2016. Vắng.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật cho các cháu A có cha ruột là ông Phạm Ngọc T tham gia tố tụng. Có mặt.

+ Cháu Trần Nhật V, sinh năm 2013. Vắng.

+ Cháu Trần Nhật B, sinh năm 2015. Vắng.

Cùng cư trú tại địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật cho các cháu V, cháu B có cha mẹ ruột là bà Phạm Thị Thanh T và ông Trần Bé. Ông Bé, bà T ủy quyền cho ông Phạm Ngọc T đại diện tham gia tố tụng. Có mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Phạm V, bà Bùi Thị D trình bày:***

Năm 1999, hộ gia đình ông Phạm Đ được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 570, tờ bản đồ số 3, thị trấn L để canh tác nông nghiệp. Năm 2005, tại cuộc họp dân ở trụ sở Tổ dân phố 02, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vợ chồng ông Đ nói miệng trả lại thửa đất 570 cho Hợp tác xã Nông nghiệp thị trấn L với lý do vợ chồng lớn tuổi không đủ sức khỏe để canh tác. Vì ông V là con ruột ông Đ, nên nguyên đơn xin Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn L nhận lại thửa đất số 570, tờ bản đồ số 3 để canh tác sản xuất và được Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn L đồng ý cấp Sổ hợp đồng và thanh toán dịch vụ cho nguyên đơn.

Sau khi thực hiện dự án VLap, năm 2011 bà Trần Thị H làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16, thị trấn L, huyện T. Đến năm 2017, ông Đ làm thủ tục tách thửa 55 thành 02 thửa là thửa 684 và 685, tờ bản đồ số 16 thị trấn L và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận 02 thửa đất trên vào ngày 29/9/2017.

Năm 2019, huyện T lập phương án xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn L và có thu hồi hai thửa đất 684, 685. Ngày 17/01/2020, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 179/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất có liên quan đến thửa đất số 684 và 685, tờ bản đồ số 16, thị trấn L có danh sách kèm theo ghi tên hộ gia đình ông Đ. Ngày 18/6/2020, ông Đ đại diện cho bà H, ông T, ông T, bà T, bà D (những người trong hộ) nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất 685 là 78.311.400 đồng và đã chia cho nhau. Còn số tiền đền bù đất của thửa 684 và tiền hỗ trợ hoa màu trên hai thửa đất 684, 685 tổng cộng 81.206.861 đồng; số tiền này gia đình ông Đ thống nhất giao cho nguyên đơn sở hữu.

Việc chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ có liên quan đến thửa đất số 684 và 685, tờ bản đồ số 16, thị trấn L ghi hộ gia đình ông Đ là không đúng, vì đây là đất của nguyên đơn được Hợp tác xã giao, do đó cho ông Đ, bà H, ông T, ông T, bà T, bà D, ông Đ, bà P, cháu D nhận số tiền 78.311.400 đồng là sai.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa hủy một phần Quyết định số 179/QĐ - UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; công nhận tiền đền bù, hỗ trợ khi thu hồi đối với 02 thửa đất số 684, 685 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn để nguyên đơn được nhận tiền đền bù 159.538.861 đồng, nên số tiền 78.311.400 đồng ông Đ, bà H, ông T, ông

T, bà T, bà D, ông Đ, bà P, bà D đã nhận của thửa đất 685 phải trả lại cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/6/2022, nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của các Quyết định số 193, 194/QĐ – UBND ngày 17/01/2020 của UBND huyện về thu hồi 02 thửa đất 684, 685; 01 phần Quyết định số 535/QĐ – UB ngày 27/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về hỗ trợ, bồi thường khi thu hồi đất, vì các Quyết định này có liên quan đến Quyết định số 179/QĐ - UBND.

**** Theo các tài liệu có trong vụ án, bị đơn trình bày:***

Nguyên thửa đất 684, 685 tờ bản đồ số 16, thị trấn L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Đ vào ngày 29/9/2017, có nguồn gốc là đất Nông nghiệp do Nhà nước cấp theo Nghị định 64/CP vào năm 1998. Tại thời điểm làm đơn xin cấp đất theo Nghị định 64/CP năm 1997, hộ gia đình ông Đ ghi 10 nhân khẩu gồm: Ông Đ, bà H, ông Đ, ông V, ông T, ông T, bà T, bà D, bà P, bà D. Năm 1999, Nhà nước cấp Giấy chứng nhận lần đầu đứng tên hộ gia đình ông Đ mang số thửa 570, tờ bản đồ số 3 thị trấn L. Gia đình ông Đ canh tác sản xuất đến khoảng năm 2007 thì để cho ông Phạm V canh tác lấy lúa nuôi con do có hoàn cảnh khó khăn, vì năm 2005 ông Phạm V cưới vợ, năm 2007 vợ chồng ông Phạm V làm nhà ở riêng. Gia đình ông Đ để cho ông V canh tác, chứ không phải tặng cho ông Phạm V thửa đất này. Vợ chồng ông Đ cũng không trả lại thửa đất trên cho Hợp tác xã như nguyên đơn trình bày.

Sau khi Nhà nước thực hiện đo đạc đất theo dự án Vlap, năm 2011 thửa đất 570 được cấp đổi lại Giấy chứng nhận mang số thửa 55, tờ bản đồ số 16 thị trấn L cũng ghi hộ gia đình ông Phạm Đ. Năm 2017, gia đình ông Đ thống nhất tách đôi thửa đất số 55 thành 02 thửa 684, 685 với mục đích là tặng cho ông Phạm V thửa 684, còn thửa 685 để lại cho hộ gia đình ông Đ canh tác. Tuy nhiên, khi đắp bờ chia đôi mảnh ruộng theo Giấy chứng nhận đã tách, thì vợ chồng ông V tranh giành không cho gia đình ông Đ canh tác. Năm 2019, Nhà nước có chủ trương thu hồi thửa đất số 684 và 685, tờ bản đồ số 16 để làm trường học cấp I, II thị trấn L thì gia đình ông Đ đồng ý. Năm 2020, chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 179/QĐ - UBND ngày 17/01/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ đợt 1 để thực hiện công trình Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn L, trong danh sách kèm theo phương án có thu hồi 02 thửa đất số 684 và 685. Vì Giấy chứng nhận đứng tên hộ gia đình ông Phạm Đ, nên khi lập danh sách đền bù, hỗ trợ tại các Quyết định đều ghi hộ ông Phạm Đ. Ngày 16/6/2020, gia đình gồm ông Đ, bà H, ông T, ông T, bà T, bà D họp ký biên bản thống nhất giao ông Đ đại diện nhận số tiền đền

bù đất thửa 685, còn tiền đền bù đất của thửa 684 và tiền hỗ trợ hoa màu của hai thửa đất 684, 685 đồng ý giao cho vợ chồng ông Phạm V nhận. Ngày 18/6/2020, ông Đ đã giao Giấy chứng nhận thửa đất 685 cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T và nhận số tiền bồi thường 78.311.400 đồng, đây là tiền bồi thường về đất, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm của thửa 685.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phía bị đơn không đồng ý vì hai thửa đất số 684, 685 tờ bản đồ số 16, thị trấn L được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình bị đơn gồm 10 người, nên không thuộc quyền sử dụng riêng của nguyên đơn. Do đó, các ông bà: Đ, H, Đ, T, T, T, D, P, D có quyền được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thửa số 685 với số tiền 78.311.400 đồng, vì số tiền trên chưa vượt phạm vi quyền lợi được hưởng của từng người. Riêng đối với số tiền 81.206.861 đồng đền bù khi Nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ đổi hoa màu trên thửa đất 684 và 685, vẫn còn quyền lợi của các ông bà được hưởng, nhưng các ông bà thống nhất giao cho phía ông V, bà D nhận, bị đơn đã giao Giấy chứng nhận thửa đất số 684 cho nguyên đơn xong, phía bị đơn và người liên quan không tranh chấp số tiền này.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Phạm Ngọc Đ, bà Lê Thị P, bà Phạm Thị Mỹ D ủy quyền ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Ngọc T đại diện trình bày: Năm 1995 ông Đ cưới bà Lê Thị P về sống chung nhà với cha mẹ ruột ông là hộ ông Phạm Đ ở Tổ dân phố 02, thị trấn L, huyện T. Năm 1996 vợ chồng ông Phạm Ngọc Đ sinh cháu Phạm Thị Mỹ D. Khi khai sinh cháu D thì khai chung trong sổ hộ khẩu gia đình ông Phạm Đ. Khi cấp đất theo Nghị định 64/CP, trong đơn xin cấp đất ông Đ có ghi tên ông Đ, bà P, cháu D. Như vậy, việc cấp đất theo Nghị định 64/CP của hộ gia đình ông Phạm Đ có quyền lợi của ông Đ, bà P, cháu D. Khi họp ủy quyền cho ông Đ đi nhận tiền đền bù khi thu hồi các thửa đất 684, 685 thì vợ chồng ông Đ và cháu D vắng mặt, nhưng đã trao đổi thống nhất theo biên bản họp. Khi ông Đ nhận tiền về thì tất cả đã phân chia xong phần quyền lợi của mình. Số tiền 81.206.861 đồng bồi thường, hỗ trợ còn lại có phần quyền lợi của các ông, bà nhưng các ông, bà thống nhất giao cho vợ chồng ông Phạm V nhận. Các ông, bà không tranh chấp số tiền này.

2/ Cháu Phạm Huỳnh Bảo A có cha mẹ là bà Huỳnh Thị H, ông Phạm Ngọc T là người đại diện theo pháp luật và bà H ủy quyền cho ông T trình bày:

Năm 2019, Nhà nước thu hồi 04 thửa đất 682, 683, 684, 585 của hộ gia đình ông Phạm Đ để xây dựng Công trình trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn L, huyện T. Tại thời điểm thu hồi hộ gia đình ông Phạm Đ có 07 khẩu (trong đó có bà H, cháu A), nên khi Nhà nước hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho 7 nhân khẩu với số tiền 26.460.000 đồng, thì bà H và cháu A thống

nhất để ông Đ đại diện nhận số tiền trên; quyền lợi bà H cháu A mỗi người hưởng 3.780.000 đồng đã được phân chia xong, bà H và cháu A không có ý kiến gì khác trong vụ án này.

3/ Cháu Trần Nhật V, Trần Nhật B có cha mẹ là ông Trần Bé, bà Phạm Thị Thanh T là người đại diện theo pháp luật cho các cháu và ông Phạm Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 2019, Nhà nước thu hồi 04 thửa đất 682, 683, 684, 585 của hộ gia đình ông Phạm Đ để xây dựng công trình trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn L, huyện T. Tại thời điểm thu hồi đất, hộ gia đình ông Phạm Đ có 07 khẩu (trong đó có cháu V, cháu B là con ông Bé, bà T), nên khi Nhà nước hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho 07 nhân khẩu với số tiền 26.460.000 đồng, thì bà T, ông Bé đại diện cho hai cháu thống nhất để ông Đ đại diện nhận; quyền lợi của mỗi cháu được nhận 3.780.000 đồng đã được chia xong; nay bà T ông Bé không có ý kiến gì khác trong vụ án này.

4/ Cháu Phạm Thị Kim T, Phạm Thị Thanh T có cha mẹ là ông Phạm V, bà Bùi Thị D là người đại diện theo pháp luật cho các cháu trình bày: Các cháu thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn và không có ý kiến gì khác.

5/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 684 và 685, tờ bản đồ số 16 thị trấn L là đất cấp cho hộ gia đình ông Phạm Đ và bà Trần Thị H vào năm 1998 theo Nghị định 64/CP tại Quyết định số 365/1998/QĐ – UB ngày 24/10/1998 của UBND huyện T về phê duyệt đề án giao đất nông nghiệp cho cá nhân, hộ gia đình. Sau khi cấp đất, gia đình ông Phạm Đ kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1999. Năm 2019, UBND huyện T phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khẩn cấp công trình Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn L, huyện T. Theo quy định, tại thời điểm thu hồi đất, căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định đối tượng được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Ngày 14/11/2019, UBND thị trấn L lập bảng danh sách chủ sử dụng đất thì hộ ông Phạm Đ, bà Trần Thị H là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đối với 04 thửa đất 682, 683, 684, 685 tờ bản đồ số 16 thị trấn L. Ngày 17/01/2020, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 179/QĐ – UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ (đợt 1) để thực hiện công trình, kèm theo Quyết định có bảng kê danh sách thu hồi đền bù, hỗ trợ đối với 04 thửa đất này.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 179/QĐ – UBND ngày 17/01/2020; ngày 17/01/2020 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành các Quyết định số 193, 194, 195, 196/QĐ – UBND về thu hồi 04 thửa đất nêu trên, nên ngày 27/02/2020 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 535/QĐ – UBND về việc hỗ trợ, bồi thường cho hộ gia đình ông Phạm Đ, bà Trần Thị H khi thu hồi 04 thửa đất với tổng số tiền 403.973.309 đồng (có bảng

kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ kèm theo Quyết định). Căn cứ Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thì phần nội dung trong các Quyết định ghi hộ ông Phạm Đ là đúng pháp luật, đúng tên đối tượng nhận bồi thường theo Giấy chứng nhận.

Nguyên đơn yêu cầu hủy một phần Quyết định số 179/QĐ – UBND ngày 17/01/2020 và hủy một phần Quyết định 535/QĐ – UBND ngày 27/02/2020 – phần có liên quan đến thửa đất 684, 685 đều do chủ tịch UBND huyện T ký ban hành là không có căn cứ, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

6/ UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, trình bày: Phương án xây dựng công trình Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn L, huyện T đã được phê duyệt. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai 2013, UBND huyện ban hành các Quyết định số 193, 194/QĐ – UBND về thu hồi 02 thửa đất 684, 685 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem xét hủy các Quyết định số 193, 194/ QĐ – UBND của UBND huyện T về việc thu hồi thửa đất 684, 685 là không có căn cứ, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo luật định.

7/ Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Quảng Ngãi trình bày: Thực hiện theo Quyết định số 179/QĐ – UBND ngày 17/01/2020 và Quyết định số 535/QĐ – UBND ngày 27/02/2020 đều của Chủ tịch UBND huyện T, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đợt 1 theo phương án đã phê duyệt và Quyết định bồi thường. Căn cứ vào biên bản cuộc họp gia đình của ông Phạm Đ vào ngày 16/6/2020, ngày 18/6/2020 ông Đ đã giao Giấy chứng nhận thửa đất 685 cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T. Trung tâm đã chi trả 78.311.400 đồng tiền bồi thường về đất, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi thửa đất 685 cho ông Đ đại diện nhận. Đối với thửa đất số 684, tờ bản đồ số 16: tiền bồi thường về đất là 15.672.000 đồng; tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là 62.688.000 đồng; tiền bồi thường hoa màu trên đất là 1.423.867 đồng và tiền bồi thường về hoa màu thửa 685 là 1.422.994 đồng; tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của thửa đất số 684 và tiền bồi thường hoa màu trên thửa đất 685 là: 81.206.861 đồng. Số tiền 81.206.861 đồng hiện Trung tâm đang giữ nếu Tòa giải quyết thuộc quyền sở hữu của ai thì Trung tâm sẽ giao cho người đó.

Về số tiền 26.460.000 đồng hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ gia đình ông Phạm Đ khi thu hồi các thửa đất 682, 683, 684, 685, thì tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình ông Phạm Đ có 07 khẩu gồm: Ông Phạm Đ, bà Trần Thị H, ông Phạm Ngọc T, bà Huỳnh Thị H, cháu Phạm Huỳnh Bảo A, cháu Trần Nhật V và Trần Nhật B; còn vợ chồng ông V có

hộ khẩu riêng. Số tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất được tính theo quy định: Tổng diện tích đất nông nghiệp bị Nhà nước thu hồi/tổng diện tích đất nông nghiệp hiện có của hộ gia đình x 100%. Vậy hộ gia đình ông Phạm Đ tỷ lệ mất đất nông nghiệp là 75,3% nên được Nhà nước hỗ trợ mỗi nhân khẩu 12 tháng ăn tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Cụ thể hộ gia đình ông Phạm Đ có 07 nhân khẩu, nên nhận tiền hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất tính thành tiền là 26.460.000 đồng. Riêng nguyên đơn đề nghị hỗ trợ ổn định sản xuất cho 04 nhân khẩu của gia đình nguyên đơn không có cơ sở, vì hộ gia đình nguyên đơn không thuộc đối tượng được hỗ trợ.

Tại Bản án sơ thẩm số 28/2022/DSST ngày 17/9/ 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính năm 2015; khoản 9, 14, 30 của Điều 3, Điều 66, Điều 69, khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai 2013; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; các Điều 207, 209, 212, 219, 221 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. T xử:

1/ Công nhận 156.672.000đ (một trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng) tiền bồi thường về đất, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi 02 thửa đất 684, 685 tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T thuộc quyền sở hữu chung theo phần của các ông, bà: Phạm Đ, Trần Thị H, Phạm Ngọc Đ, Lê Thị P, Phạm V, Phạm Thị D D, Phạm Thị Thanh T, Phạm Văn T, Phạm Ngọc T, Phạm Thị Mỹ D.

Công nhận 26.460.000đ (hai mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi thu hồi các thửa đất 682, 683, 684, 685 tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T thuộc sở hữu chung theo phần của các ông, bà: Phạm Đ, Trần Thị H, Phạm Ngọc T, Huỳnh Thị H, Phạm Huỳnh Bảo A, Trần Nhật V, Trần Nhật B.

Công nhận 2.846.861đ (hai triệu, tám trăm bốn mươi sáu ngàn, tám trăm sáu mươi một đồng) tiền bồi thường hoa màu trên hai thửa đất 684, 685 thuộc quyền sở hữu chung của ông Phạm V, bà Bùi Thị D.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm V, bà Bùi Thị D về việc buộc các ông, bà: Phạm Đ, Trần Thị H, Phạm Ngọc Đ, Lê Thị P, Phạm Thị D D, Phạm Thị Thanh T, Phạm Văn T, Phạm Ngọc T, Phạm Thị Mỹ D hoàn trả 78.311.400đ (bảy mươi tám triệu, ba trăm mười một ngàn, bốn trăm đồng) tiền bồi thường về đất, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi thửa đất 685, tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

3/ Ghi nhận ý kiến của Phạm Đ, Trần Thị H, Phạm Ngọc Đ, Lê Thị P,

Phạm V, Phạm Thị D D, Phạm Thị Thanh T, Phạm Văn T, Phạm Ngọc T, Phạm Thị Mỹ D về việc giao cho nguyên đơn được quyền sở hữu nhận 81.206.861đ (tám mươi một triệu, hai trăm lẻ sáu ngàn, tám trăm sáu mươi một đồng) tiền bồi thường về đất, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tiền bồi thường hoa màu thửa 684, 685; hiện số tiền trên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T đang giữ.

4/ Bác khởi kiện của nguyên đơn về: Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 179/QĐ - UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ đợt 1 để thực hiện công trình Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn L liên quan đến việc thu hồi, bồi thường hai thửa đất 684, 685 tờ bản đồ số 16 thị trấn L; yêu cầu hủy Quyết định số 193/QĐ – UBND ngày 17/01/2020 của UBND huyện T về việc thu hồi thửa đất số 685, tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; yêu cầu hủy Quyết định số 194/QĐ – UBND ngày 17/01/2020 của UBND huyện T về việc thu hồi thửa đất số 684, tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 535/QĐ – UBND ngày 27/02/2020 của chủ tịch UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Đ, bà Trần Thị H khi thu hồi thửa đất số 684, 685 tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ngày 29/9/2022, nguyên đơn ông Phạm V, bà Bùi Thị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc các ông bà Phạm Đ, Trần Thị H, Phạm Ngọc Đ, Lê Thị P, Phạm Thị D D, Phạm Thị Thanh T, Phạm Văn T, Phạm Ngọc T, Phạm Thị Mỹ D hoàn trả cho vợ chồng ông số tiền 64.215.240 đồng là khoản tiền bồi thường về đất, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi thửa đất 685, tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ngày 03/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 863/QĐKNPT-VKS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 17/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung, vì đã vi phạm về tố tụng, nội dung, làm ảnh hưởng trực tiếp quyền lợi của đương sự; cụ thể;

+ Tòa sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đảm bảo nên đưa người tham gia tố tụng chưa phù hợp: Chưa làm rõ vào thời điểm cân đối giao đất hộ ông Đ có bao nhiêu nhân khẩu và gồm những ai;

+ Nguyên đơn ông Phạm V, bà Bùi Thị D là người trực tiếp canh tác đối với 02 thửa đất (thửa 684 và thửa 685), nên nguyên đơn phải là người được hưởng toàn bộ số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hộ ông Phạm Đ là người được hưởng để chia đều cho 10 người trong hộ gia đình là xâm hại đến quyền lợi của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 863/QĐKNPT-VKS ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm V, bà Bùi Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; nhận thấy: Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 863/QĐKNPT-VKS ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[2]. Xét kháng cáo của ông Phạm V, bà Bùi Thị D; xét thấy:

[2.1]. Về đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận: Năm 1999, Nhà nước cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình ông Đ. Năm 2010, Nhà nước chủ trương đo vẽ bản đồ địa chính kỹ thuật số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo dự án VLap. Năm 2011 thửa 570, tờ bản đồ số 3 thị trấn L, diện tích 645m² được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất biến động thành thửa 55, tờ bản đồ số 16, diện tích 625,8m² đứng tên hộ gia đình ông Phạm Đ. Năm 2017, ông Đ làm thủ tục tách thửa số 55 thành 02 thửa là 684, diện tích 326,5m² và 685, diện tích 326,3m² đều thuộc tờ bản đồ số 16 thị trấn L được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông Đ năm 2017.

Do đó, việc ông Phạm V, bà Bùi Thị D cho rằng vào năm 2005 ông Đ đã trả thửa đất số 570, tờ bản đồ số 3 thị trấn L cho Hợp tác xã và Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn L đã giao cho vợ chồng ông diện tích đất này để sản xuất là không có căn cứ.

[2.2]. Tại Công văn số 2413/UBND ngày 15/9/2021 của UBND huyện T gửi Tòa án nhân dân huyện T (BL 180-181), xác định:

+ Nguồn gốc thửa đất bị thu hồi 684, 685 là do Nhà nước cấp cho hộ gia đình ông Phạm Đ gồm 10 nhân khẩu vào năm 1998, nên khi thu hồi thì số tiền đền bù về đất thuộc sở hữu chung của 10 người;

+ Đối với tiền bồi thường hoa màu trên đất là tiền của cá nhân có hoa màu trên đất;

+ Đối với khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là căn cứ khoản 2 Điều 22 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của

UBND tỉnh Quảng Ngãi thì chỉ áp dụng cho chủ đất bị thu hồi, không hỗ trợ cho người đang trực tiếp sử dụng;

+ Đối với số tiền hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất thì căn cứ khoản 4 Điều 22 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi hỗ trợ cho những người có tên trong sổ hộ khẩu của hộ đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm thu hồi đất.

Nội dung trả lời của UBND huyện T phù hợp với quy định tại khoản 30 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

[2.3]. Căn cứ vào Quyết định số 535/QĐ – UBND ngày 27/02/2020 và bảng kê chi tiết tiền đền bù, bồi thường, hỗ trợ kèm theo thì tổng số tiền hỗ trợ, bồi thường cho hộ gia đình ông Phạm Đ, bà Trần Thị H khi thu hồi 02 thửa đất 684, 685 với tổng số tiền là 159.518.861 đồng; cụ thể từng khoản như sau:

+ Đối với thửa đất số 684 là 79.783.867 đồng (trong đó: tiền bồi thường về đất là 15.672.000 đồng; tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là 62.688.000 đồng; số tiền bồi thường hoa màu trên đất là 1.423.867 đồng);

+ Đối với thửa 685 bồi thường, hỗ trợ 79.734.394 đồng (trong đó: bồi thường về đất 15.662.400 đồng; tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là 62.649.000 đồng; tiền bồi thường về hoa màu trên đất là 1.422.994 đồng); hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất 07 nhân khẩu khi thu hồi 04 thửa (682, 683, 684, 685) là 26.460.000 đồng.

[2.4]. Như vậy tổng số tiền đền bù đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm của 02 thửa đất 684, 685 khi thu hồi là 156.672.000 đồng, số tiền trên là tài sản chung của 10 người nên mỗi người được hưởng 15.667.200 đồng; còn số tiền đền bù hoa màu trên 02 thửa đất 684, 685 là 2.846.861 đồng, do lúc này ông V, bà D đang canh tác nên số tiền này là thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn; đối với tiền hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất là 26.460.000 đồng, đây là tiền hỗ trợ cho nhân khẩu có tên trong sổ hộ khẩu gia đình đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thu hồi. Tại thời điểm thu hồi hộ gia đình ông Đ có 07 nhân khẩu, nên mỗi nhân khẩu được hưởng 3.780.000 đồng.

Vậy cụ thể quyền lợi từng người được hưởng từng khoản như sau: Ông Đ, bà H, ông T mỗi người được nhận 19.452.000đ (bồi thường đất 15.672.000 đồng; tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 3.780.000 đồng) các ông, bà: Đ, P, V, D, D, T, T mỗi người được nhận số tiền bồi thường đất 15.672.000 đồng; bà H và các cháu A, V, B mỗi người được nhận 3.780.000 đồng tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; ông V, bà D được nhận 2.846.861 đồng đền bù hoa màu trên 02 thửa đất 684, 685.

Tổng số tiền liên quan đến quyền lợi của ông V, bà D được nhận khi thu hồi 02 thửa đất 684, 685 là 18.518.861 đồng; tổng số tiền mà các ông bà Đ, H, Đ, P, D, D, T, T, D được hưởng là 141.004.800 đồng. Như vậy, số tiền 78.311.400 đồng ông Đ đại diện cho các ông bà H, ông Đ, bà P, ông T, ông T, bà D, bà T, D đã nhận không vượt quá phạm vi quyền lợi được hưởng.

Đối với số tiền 81.206.861 đồng là tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi thửa đất 684 và tiền bồi thường hoa màu của thửa đất 685 hiện đang còn tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tư nghĩa, thì có 18.518.861 đồng là quyền lợi của vợ chồng ông V được chia; còn 62.688.000 đồng là tiền mà các ông, bà: Đ, H, Đ, P, D, T, T, T, D lẽ ra được hưởng, nhưng họ đều thống nhất giao cho nguyên đơn nhận là nhiều hơn phần nguyên đơn được hưởng, là đã có lợi.

[2.5]. Về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 179/QĐ - UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, thì thấy rằng: Căn cứ Quyết định số 1502/QĐ – UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện T về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khẩn cấp công trình: Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở thị trấn L, huyện T; Để triển khai thực hiện dự án trên, căn cứ các Điều 24, 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, ngày 17/01/2020, chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 179/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ đợt 1 để xây dựng công trình Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn L, bảng kê danh sách trong phương án kèm theo Quyết định này có thu hồi 02 thửa 684, 685 của hộ gia đình ông Đ. Do đó, việc chủ tịch UBND huyện T ký ban hành Quyết định 179/QĐ – UBND là đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng, tuy nhiên về thẩm quyền chủ tịch ký ban hành là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 69 và điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai 2013, vì thẩm quyền phê duyệt thuộc UBND huyện chứ không phải chủ tịch UBND huyện, nhưng điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự, nên không cần thiết phải Hủy quyết định. Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng, căn cứ Quyết định 179/QĐ – UBND ngày 17/01/2020, nên UBND huyện ban hành các Quyết định 193, 194/QĐ – UB về việc thu hồi 02 thửa đất 684, 685 và chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 535/QĐ – UBND về việc bồi thường, hỗ trợ ghi tên hộ gia đình ông Đ là sai, dẫn đến nguyên đơn không thể nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi 02 thửa đất nêu trên, thì thấy việc xác định đền bù, hỗ trợ cho đối tượng nào là phải căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nguồn gốc đất. Đất này có nguồn gốc do Nhà nước cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình ông Phạm Đ và tại thời điểm thu hồi, Giấy chứng nhận đứng tên hộ gia đình ông Phạm Đ, nên các thủ tục đền bù, hỗ trợ ghi tên hộ gia đình ông Phạm Đ, bà Trần Thị H là đúng quy định tại Điều 3 Luật Đất đai 2013 và các Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 179/QĐ – UBND và hủy các Quyết định 193, 194/QĐ – UB, hủy 01 phần Quyết định 535/QĐ – UBND là không có cơ sở.

Từ nhận định trên, xét thấy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó kháng cáo của nguyên đơn vợ chồng ông Phạm V, bà Bùi Thị D là không có cơ sở nên không được chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Vợ chồng ông Phạm V, bà Bùi Thị D thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông vợ chồng ông Phạm V, bà Bùi Thị D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính năm 2015; khoản 9, 14, 30 của Điều 3, Điều 66, Điều 69, khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai 2013; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; các Điều 207, 209, 212, 219, 221 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; T xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm V, bà Bùi Thị D về việc buộc các ông, bà: Phạm Đ, Trần Thị H, Phạm Ngọc Đ, Lê Thị P, Phạm Thị D D, Phạm Thị Thanh T, Phạm Văn T, Phạm Ngọc T, Phạm Thị Mỹ D hoàn trả 78.311.400đ (bảy mươi tám triệu, ba trăm mười một ngàn, bốn trăm đồng) tiền bồi thường về đất, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi thửa đất 685, tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về: Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 179/QĐ - UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ đợt 1 để thực hiện công trình Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn L liên quan đến việc thu hồi, bồi thường hai thửa đất 684, 685 tờ bản đồ số 16 thị trấn L; yêu cầu hủy Quyết định số 193/QĐ – UBND ngày 17/01/2020 của UBND huyện T về việc thu hồi thửa đất số 685, tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; yêu cầu hủy Quyết định số 194/QĐ – UBND ngày 17/01/2020 của UBND huyện T về việc thu hồi thửa đất số 684, tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 535/QĐ – UBND ngày 27/02/2020 của chủ tịch UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Đ, bà Trần Thị H khi thu hồi thửa đất số 684, 685 tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Công nhận 156.672.000đ (một trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng) tiền bồi thường về đất, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi 02 thửa đất 684, 685 tờ bản đồ số 16 thị trấn L,

huyện T thuộc quyền sở hữu chung theo phần của các ông, bà: Phạm Đ, Trần Thị H, Phạm Ngọc Đ, Lê Thị P, Phạm V, Phạm Thị D D, Phạm Thị Thanh T, Phạm Văn T, Phạm Ngọc T, Phạm Thị Mỹ D.

- Công nhận 26.460.000đ (hai mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi thu hồi các thửa đất 682, 683, 684, 685 tờ bản đồ số 16 thị trấn L, huyện T thuộc sở hữu chung theo phần của các ông, bà: Phạm Đ, Trần Thị H, Phạm Ngọc T, Huỳnh Thị H, Phạm Huỳnh Bảo A, Trần Nhật V, Trần Nhật B.

- Công nhận 2.846.861đ (hai triệu, tám trăm bốn mươi sáu ngàn, tám trăm sáu mươi một đồng) tiền bồi thường hoa màu trên hai thửa đất 684, 685 thuộc quyền sở hữu chung của ông Phạm V, bà Bùi Thị D.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Phạm Đ, Trần Thị H, Phạm Ngọc Đ, Lê Thị P, Phạm V, Phạm Thị D D, Phạm Thị Thanh T, Phạm Văn T, Phạm Ngọc T, Phạm Thị Mỹ D về việc giao cho nguyên đơn được quyền sở hữu và được nhận số tiền 81.206.861đ (tám mươi một triệu, hai trăm lẻ sáu ngàn, tám trăm sáu mươi một đồng) về khoản bồi thường về đất, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, tiền bồi thường hoa màu thửa 684, 685 tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 17/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm V, bà Bùi Thị D.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào